

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM KHÊ  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ

Ngày 30- 11- 2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò, ông Trần Văn Thành;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Na, sinh năm: 1990

Địa chỉ: khu Liên Tiếp, xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

2- Bị đơn: Anh Đặng Ngọc Dương, sinh năm 1985

Địa chỉ: khu Liên Tiếp, xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

(Chị Na, anh Dương đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Về quan hệ hôn nhân:**

+ Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Na trình bày: Chị và anh Đặng Ngọc Dương tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 10/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Dương tại khu 8 (nay là khu Liên Tiếp), xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống

tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Dương thường xuyên uống rượu say, tụ tập bạn bè, không tu chí làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn nên đã sống ly thân, đến cuối năm 2019 thì chị Na về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh Nghệ An sinh sống và làm việc tại công ty thực phẩm Vinh. Nay chị Na xác định tình cảm vợ chồng với anh Dương không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Dương để ổn định cuộc sống.

+ Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2022 bị đơn là anh Đặng Ngọc Dương trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời điểm vợ chồng sống ly thân như chị Na đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi, chửi nhau. Nay chị Na xin ly hôn anh Dương nhất trí vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên không còn tình cảm, cố níu kéo cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

- **Về con chung:** Hai bên đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Đặng Thị Ngọc Hà, sinh ngày 07/9/2013 và cháu Đặng Phương Nam, sinh ngày 21/9/2017. Hiện nay cháu Hà đang ở với chị Na tại Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An, còn cháu Nam đang ở với anh Dương tại xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, từ khi vợ chồng sống ly thân.

Ly hôn chị Na xin được trực tiếp nuôi 02 con chung không yêu cầu anh Dương cấp dưỡng. Anh Dương xin được trực tiếp nuôi cháu Nam, để chị Na nuôi cháu Hà, việc nuôi con giữ nguyên như hiện nay. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Hai bên đều trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra hai bên không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên toà chị Na, anh Dương đều vắng mặt và đều có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê:***

- Về Tố tụng: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị Lê Thị Na, anh Đặng Ngọc Dương đều vắng mặt tại phiên toà và đều có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Đề nghị xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Na và anh Đặng Ngọc Đương.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Lê Thị Na trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Thị Ngọc Hà, sinh ngày 07/9/2013, giao cho anh Đặng Ngọc Đương trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Phương Nam, sinh ngày 21/9/2017. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Lê Thị Na, anh Đặng Ngọc Đương được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Do hai bên trình đều bày không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Na phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Tranh chấp giữa chị Lê Thị Na, anh Đặng Ngọc Đương là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn anh Đương có nơi cư trú tại xã Văn Khúc, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy việc thụ lý và giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị L. T.N, bị đơn anh Đ.N. Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị Na, anh Đương là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L. T. N và anh Đ. N. Đ đảm bảo các điều kiện kết hôn, không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, khu dân cư, đại diện hội phụ nữ nơi vợ chồng chị N., anh Đ có

hộ khẩu thường trú và sinh sống đã cung cấp: “Chị L.T. N, anh Đ. N. Đ, có hộ khẩu thường trú ở khu L.Ti, xã V. K, huyện C. K, tỉnh Phú Thọ, chị N, anh Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã V. K, huyện C. K ngày 10/5/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh Đ tại khu L. T, xã V. K, huyện C. K, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng với nhau nên chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh N. A sinh sống từ cuối năm 2019 đến nay không thấy trở về về địa phương xã V. K, Kể từ khi chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Đ vẫn sinh sống tại khu L .T, xã V. K, huyện C. K, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên nguyên nhân sâu xa dẫn đến vợ chồng ly hôn thì địa phương không rõ. Vợ chồng anh chị mâu thuẫn nhưng không yêu cầu chính quyền địa phương, các ban ngành của địa phương xã V. K để hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị N xin ly hôn anh Đ đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị N vẫn cương quyết ly hôn anh Đ thì đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ vào thực trạng chung sống của vợ chồng Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của chị N, anh Đ đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn, chị N xác định không còn tình cảm với anh Đ và đề nghị xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N giữ nguyên quan điểm là xin ly hôn anh Đ và anh Đ cũng nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị N. Điều này thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã thuận tình ly hôn, phù hợp với thực trạng chung sống của vợ chồng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3]. Về con chung: Qua xác minh tại địa phương cho thấy, chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Đ. T.N. H, sinh ngày 07/9/2013, cháu Đ. P. N, sinh ngày 21/9/2017, kể từ khi chị N về tỉnh N. n sinh sống đã đưa cháu H cùng đi, hiện nay cháu N đang sinh sống cùng anh Đ và đang học tại trường tiểu học V. K. Anh Đ có nghề nghiệp là lao động tự do nên thu nhập của anh địa phương không nắm bắt được, còn chị N làm gì khi về tỉnh N.A thì địa phương không biết. Tuy nhiên cả hai anh chị đều có nơi ở ổn định và có đủ điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của trẻ em, đảm bảo sự phát triển ổn định của trẻ nhỏ, cần giao cháu Đ.T. N.H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đ. P.N cho anh Đ. N. Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Quá trình giải quyết tại Toà án hai bên đều trình bày không có gì và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L. T. N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 55; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

#### **Xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L. T. N và anh Đ. N. Đ.

[2]. Về con chung: Giao cho chị L. T. N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đ. T. N. H, sinh ngày 07/9/2013, anh Đ. N. Đ trực tiếp nuôi con chung là cháu Đ. P. N, sinh ngày 21/9/2017, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L. T. N, anh Đ. N. Đ được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị L.T. N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007989 ngày 10/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. K. Chị L.T. N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ kể từ ngày bản án được giao, nhận hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện C. K;

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THA-DS huyện;
- UBND xã V. K;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

**Đỗ Thị Thảo**



